TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn và con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự số: 613/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2020 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Châu T - Sinh năm 1992; (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Anh L - Sinh năm 1988; (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia M, tổ dân phố B, phường K, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Châu T trình bày:

Chị T xây dựng gia đình với anh L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/11/2019. Sau khi kết hôn và khi sinh con vào ngày 10/12/2019 giữa chị T, anh L xảy ra mâu thuẫn; Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm tới chị T; Chị T đã đưa con về nhà mẹ đẻ chị T từ ngày 13/12/2019 và vợ chồng cũng sống ly

thân từ đó cho tới nay. Trong thời gian ly thân anh L 04 lần xuống đưa tiền nuôi con nhưng chỉ vào nhà 01 lần thăm con, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng anh L không thay đổi. Nay chị T nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng không thể khắc phục được, nên chị T xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có một con chung là Nguyễn Anh N - Sinh ngày 10/12/2019. Khi ly hôn chị T xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 30/10/2020 bị đơn anh Nguyễn Anh L trình bày:

Anh L và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/11/2019 tại Uỷ ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thực tế anh L và chị T chưa tổ chức lễ cưới và chưa chung sống với nhau. Anh L xét thấy quan điểm của hai bên bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông chia sẻ. Nay anh L xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không có nên anh L cũng xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung là Nguyễn Anh N - Sinh ngày 10/12/2019, hiện cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn anh L đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi thành niên; Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Anh L đã được tòa án thông báo hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không tới tòa để tham gia hòa giải mà có đơn từ chối hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Châu T và anh Nguyễn Anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 18/11/2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không có sự cảm thông chia sẻ và đã tự sống ly thân, mỗi người một nơi từ sau khi kết hôn cho tới nay, suốt trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc không quan tâm tới nhau. Nay cả chị T và anh L đều xác định tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn ở mức trầm trọng và xin được thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh L đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc, ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh L của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Nguyễn Anh N, sinh ngày 10/12/2019; Khi ly hôn cả chị T và anh L đều có ý kiến giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đây là sự tự nguyện của hai bên bên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh L đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Châu T và anh Nguyễn Anh L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Anh N, sinh ngày 10/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Châu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị T và anh L đều xác định không có tài sản chung và công nợ.

4. ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị Châu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thúy đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lại thu tiền số: AA/2019/0012586 ngày 28/7/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- UBND P. K, Tp. B;
(GCNKH số 190, ngày 18/11/2019)
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư